

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2021/DS-PT

Ngày: 13 - 12 -2021

V/v tranh chấp về lỗi đi qua.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp quyền về lỗi đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1970; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ngọc T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị Kim X, sinh năm: 1976; *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/6/2021)*

2. Ông Đỗ Văn S, sinh năm: 1976; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 29/6/2021)

3. Ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1960; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 25/02/2021)

4. Bà Đỗ Thị Hồng H, sinh năm: 1969; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/6/2021)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn V, sinh năm: 1969; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/6/2021)

2. Ông Trần Văn G, sinh năm: 1990; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Lê Văn L là bà Phạm Thị G trình bày:

Ông Lê Văn L là chủ sử dụng thửa đất thửa 54, tờ bản đồ số 6, diện tích 5180.6m², tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất của ông bị vây bọc bởi các bất động sản khác, để đi ra lộ công cộng thì ông phải đi trên lối đi qua thửa đất số 74, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc thì lối đi có diện tích 10.1m² (chiều ngang 2,43 m và 1,46m, chiều dài 9,51m và 7,73m). Lối đi này đã tồn tại khoảng 30 năm.

Năm 2018, ông T chết. Gia đình bà Đỗ Thị Hồng H (con ông T) quản lý, sử dụng thửa đất này. Ông T có 04 người con là Đỗ Thị Kim X, Đỗ Văn S, Đỗ Văn B, Đỗ Thị Hồng H, cha mẹ ông T đã chết từ lâu, ông T không có cha mẹ nuôi, con nuôi.

Đến tháng 3/2020 thì bà H, chồng bà H là ông Trần Văn V và con bà H là ông Trần Văn G đã rào lối đi không cho gia đình ông L đi nữa nên ông mới khởi kiện để yêu cầu mở lối đi. Khi tòa án xuống thẩm định thì phía bị đơn đã tháo dỡ rào cho đi, nhưng khi đoàn về thì phía bị đơn rào lại lối đi bằng ống tiếp và cây chỉ chừa cho nguyên đơn một đoạn nhỏ có chiều ngang 0,6m để đi bộ ra vào chứ xe máy không đi qua được, làm ảnh hưởng đến việc lưu thông vận chuyển cây cối và đi lại của gia đình ông L

Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ rào chắn, mở lối đi như kết quả xem xét thẩm định có diện tích 10,1m² (chiều ngang 2.43m và 1.46m, chiều dài 9.51m và 7.73m) thuộc một phần thửa 74, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L đồng ý bồi thường lối đi cho bị đơn theo quy định pháp luật. Ông thống nhất với kết quả xem xét thẩm định, định giá không có ý kiến gì.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, các bị đơn bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn B và ông Đỗ Văn S trình bày:

Ông bà là con của ông Đỗ Văn T, ông bà xác định thửa đất 74, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre lúc còn sống ông Đỗ Văn T đã cho bà Đỗ Thị Hồng H, gia đình bà H đã canh tác đất khoảng 15 năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Do đó, bà X, ông B, ông S không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V có yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có lời trình bày.

Tại văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn G trình bày:

Ông Đỗ Văn T (ông ngoại của ông G) có đứng tên phần đất thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông T chết năm 2018. Ông T có 04 người con là bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Thị Hồng H, cha mẹ ông T đã chết, ông T không có cha mẹ nuôi con nuôi. Phần đất này tuy ông T còn đứng tên quyền sử dụng đất nhưng thực tế do gia đình ông gồm Trần Văn V, Đỗ Thị Hồng H và Trần Văn G quản lý, sử dụng. Vì ông T đã bán đất cho bà H và bà H cho ông G nhưng chưa làm giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Thửa đất 74 có giáp ranh với phần đất thửa 54, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre của Ông Lê Văn L. Giữa hai thửa đất có một con rạch công cộng. Trước đây, hai gia đình có thỏa thuận bên ông L được lấp 3 phần, bên ông G được lấp 7 phần rạch công cộng để sử dụng, đổi lại gia đình ông G đồng ý cho gia đình ông L một lối đi có chiều ngang khoảng 3m qua thửa đất 74 để ra lộ công cộng. Tuy nhiên, khi gia đình ông G sử dụng phần đất rạch theo thỏa thuận thì gia đình ông L kiếm chuyện xúc phạm gia đình ông. Khi ông làm lối đi để đi ra đường công cộng kêu ông L phụ đổ bê tông để đi thì gia đình ông L không đồng ý nên gia đình ông mới rào lại. Sau đó, vì tình làng nghĩa xóm nên ông đã mở rào cho ông L đi trở lại nhưng gia đình ông L lại khởi kiện

gia đình ông. Vì vậy, sau khi Tòa án tiến hành thẩm định thì ông có rào lại lối đi bằng ống tiếp và cây, có chừa cho ông L một đoạn khoảng 6 tấc để đi bộ ra vào.

Nay ông L yêu cầu gia đình ông phải tháo dỡ rào chắn mở cho ông L một lối đi có diện tích 10,1m² (chiều ngang 2.43m và 1.46m, chiều dài 9.51m và 7.73m) thuộc một phần thửa 74, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre thì gia đình ông không đồng ý mà để Tòa án giải quyết. Vì con ông L đã có hành động đăng lên mạng xã hội xúc phạm gia đình ông. Ngoài ra, phía sau phần đất của ông L cũng có một bờ đê cặp sông có thể ra lộ công cộng được.

Ông thống nhất với kết quả xem xét thẩm định, định giá không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự và Điều 171 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn L đối với bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B, bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn G về việc “Tranh chấp về lối đi qua”

Ông Lê Văn L được quyền sử dụng hạn chế phần đất có diện tích 10,1m², chiều ngang 1,46m và 2,43m, chiều dài 2,14+ 5,59m và 4,15+5,36m, chiều cao 4m thuộc một phần thửa 74, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ Văn T đứng tên quyền sử dụng đất để làm lối đi vào phần đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 6 do Ông Lê Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Phần lối đi được mở có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 54 của Ông Lê Văn L;
- Đông giáp thửa 74 còn lại của ông Đỗ Văn T;
- Tây giáp thửa 74 còn lại của ông Đỗ Văn T;
- Nam giáp đường công cộng.

(có họa đồ kèm theo)

Buộc bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B, bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn G phải tháo dỡ, di dời phần rào chắn bằng ống sắt và tre ra khỏi phần đất có diện tích 10,1m², chiều ngang 1,46m và 2,43m, chiều dài 2,14+ 5,59m và 4,15+5,36m, chiều cao 4m thuộc một phần thửa 74, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ

Văn T đứng tên quyền sử dụng đất để làm lối đi vào phần đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 6 do Ông Lê Văn L đứng tên quyền sử dụng đất để mở cho Ông Lê Văn L lối đi như mô tả nêu trên.

Ông Lê Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Thị Hồng H số tiền là 7.070.000 (bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng. Ông Lê Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V và ông Trần Văn G số tiền là 513.000 (năm trăm mười ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 08/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ông Lê Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà Đỗ Kim Xuyên, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B, bà Đỗ Thị Hồng H là những người thừa

kế của ông Đỗ Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mở lối đi cho ông trên thửa đất 74, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Ông Lê Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích 5.180,6m² thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thửa đất bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sử dụng khác, không có lối đi ra đường công cộng. Do đó, ông L yêu cầu mở lối đi ra đường công cộng là phù hợp.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi có diện tích 10,1m², chiều ngang 1,46m và 2,43m, chiều dài 2,14+5,59m và 4,15+5,36m, chiều cao 4m, thuộc một phần thửa đất số 74 vì đây là lối đi thuận tiện nhất để ra đường công cộng, gia đình ông đã đi lối đi này từ năm 1990 đến nay. Ông có cải tạo, đổ bê tông trên một phần lối đi này để sử dụng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng phía sau đất ông L có một bờ đê cặp sông có thể đi ra lộ công cộng. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án đây một bờ đê bằng đất gò ghề nằm cặp sông, qua nhiều phần đất của nhiều chủ sử dụng khác nhau và cũng có một đoạn qua phần đất của ông T. Hiện nay, bờ đê này chưa thông thoáng, cỏ và cây tạp mọc ngăn cản lưu thông, ước lượng từ phần đất của ông L ra đến đường công cộng khoảng 500m còn lối đi mà nguyên đơn yêu cầu đã tồn tại từ năm 1990 và có chiều dài chưa đến 10m. Như vậy, xét về vị trí đặc điểm, lối đi do nguyên đơn yêu cầu là thuận tiện hơn cho việc đi lại, ít gây thiệt hại cho các bên và là lối đi hợp lý nhất nên Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là phù hợp.

[4] Việc mở lối đi ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bị đơn. Bị đơn không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại cụ thể làm căn cứ yêu cầu đền bù và các bên đương sự không có thỏa thuận nào khác nhưng nguyên đơn đồng ý đền bù về lối đi cho bị đơn theo giá trị đất mà Hội đồng định giá đã xác định số tiền 7.070.000đồng và các chi phí đổ bê tông cho bà Đỗ Thị Hồng H, anh Trần Văn V và anh Trần Văn G số tiền 513.000đồng. Đây là sự tự nguyện này

của ông L và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G kháng cáo cho rằng gia đình Ông Lê Văn L nhiều lần xúc phạm gia đình ông nên yêu cầu gia đình anh L1 xin lỗi gia đình ông, gia đình ông sẽ đồng ý mở lỗi đi. Tuy nhiên, đây là quan hệ pháp luật khác nên không xem xét trong vụ án tranh chấp quyền về lỗi đi qua.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phú thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự và Điều 171 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn L đối với bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B, bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn G về việc “Tranh chấp về lối đi qua”.

Ông Lê Văn L được quyền sử dụng hạn chế phần đất có diện tích 10,1m², chiều ngang 1,46m và 2,43m, chiều dài 2,14+ 5,59m và 4,15+5,36m, chiều cao 4m thuộc một phần thửa 74, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm lối đi vào phần đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 6 do Ông Lê Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Phần lối đi được mở có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 54 của Ông Lê Văn L;
- Đông giáp thửa 74 còn lại của ông Đỗ Văn T;
- Tây giáp thửa 74 còn lại của ông Đỗ Văn T;
- Nam giáp đường công cộng.

(có họa đồ kèm theo)

Buộc bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B, bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn G phải tháo dỡ, di dời phần rào chắn bằng ống sắt và tre ra khỏi phần đất có diện tích 10,1m², chiều ngang 1,46m và 2,43m, chiều dài 2,14+ 5,59m và 4,15+5,36m, chiều cao 4m thuộc một phần thửa 74, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Đỗ Văn T đứng tên quyền sử dụng đất để làm lối đi vào phần đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 6 do Ông Lê Văn L đứng tên quyền sử dụng đất để mở cho Ông Lê Văn L lối đi như mô tả nêu trên.

Ông Lê Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Thị Hồng H số tiền là 7.070.000 (bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng. Ông Lê Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V và ông Trần Văn G số tiền là 513.000 (năm trăm mười ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người sử dụng đất và người có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký theo quy định pháp luật.

2. Chi phí tố tụng: Ông Lê Văn L tự nguyện chịu số tiền 2.500.000đồng, đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Kim X, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn B, bà Đỗ Thị Hồng H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn G phải liên đới chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Ông Lê Văn L phải chịu số tiền 379.000 (ba trăm bảy mươi chín ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004490 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông L phải nộp tiếp số tiền là 79.000 (bảy mươi chín nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn G phải chịu số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001703 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng